

Thực trạng và giải pháp quản lí chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông theo tiếp cận đảm bảo chất lượng của các trường đại học Đông Nam Á

Phan Hùng Thư¹, Phạm Thị Ánh Phượng²,
Vũ Đức Tân³

¹ Trường Đại học Vinh
182 Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Email: thuph@vinhuni.edu.vn

² Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
131 Lương Nhữ Học, Đà Nẵng, Việt Nam
Email: phuonktdhnn@gmail.com

³ Học viện Kỹ thuật Mật mã
141 đường Chiến Thắng, Tân Triều, Thanh Trì,
Hà Nội, Việt Nam
Email: Tankhaothihvktmm@gmail.com

TÓM TẮT: Với mục tiêu “Giáo viên phải được đào tạo để trở thành những nhà giáo dục hơn là những chuyên gia truyền đạt kiến thức”, hoạt động quản lí chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông theo tiếp cận đảm bảo chất lượng của mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á cần được cải cách cơ bản và sâu sắc, hướng đến mô hình của các nước đang phát triển nhưng vẫn phải đáp ứng các đặc thù của xã hội và nền giáo dục đại học Việt Nam. Bài viết đánh giá thực trạng quản lí chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông theo tiếp cận AUN-QA của 5 cơ sở đào tạo. Việc quản lí chương trình đào tạo đã đạt được những kết quả khả quan như chuẩn đầu ra được xây dựng tương thích với tầm nhìn và sứ mạng của nhà trường, việc giám sát, đánh giá việc triển khai mục đích giáo dục, vai trò của người dạy và người học được thực hiện nhất quán, việc đánh giá hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học, kết quả và khối lượng học tập của người học được triển khai hiệu quả... Kết quả nghiên cứu cho thấy vẫn còn nhiều hạn chế, cần đề xuất các biện pháp khắc phục như các nội dung trong quản lí và phát triển chuyên môn của cán bộ giảng dạy và hỗ trợ, các nội dung trong việc quản lí kiểm tra đánh giá học tập chưa được thực hiện tốt,

TỪ KHÓA: Quản lí; chương trình đào tạo; giáo viên; tiếp cận; đảm bảo chất lượng.

→ Nhận bài 23/4/2019 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 20/5/2019 → Duyệt đăng 25/6/2019.

1. Đặt vấn đề

Chất lượng giáo dục (GD) nói chung và chất lượng GD phổ thông (GDPT) nói riêng là vấn đề luôn được xã hội quan tâm. Giáo viên (GV) và cán bộ quản lí giáo dục (QLGD) là nhân tố quyết định không chỉ với chất lượng GD trong nhà trường mà còn ảnh hưởng đến năng lực, phẩm chất trong cả cuộc đời mỗi con người. Ở Việt Nam, hệ thống các trường/khoa đại học sư phạm (ĐHSP) giữ vai trò chủ đạo trong đào tạo (ĐT) đội ngũ GV các cấp học. Cho đến nay, hệ thống này đã đóng góp không nhỏ cho sự phát triển GD của đất nước. Tuy nhiên, trước những yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD, đội ngũ GV và cán bộ QLGD đang bộc lộ những hạn chế, bất cập, đặc biệt là chưa thể hiện được tính hệ thống, đồng bộ, cập nhật thường xuyên và liên tục. Một trong các nguyên nhân chủ yếu là do công tác quản lí (QL) chương trình ĐT(CTĐT) ở các cơ sở ĐT GV trung học phổ thông (THPT) chưa hiệu quả, ĐT chưa thực sự gắn với nhu cầu của xã hội, chưa đảm bảo được chất lượng chuẩn đầu ra. Những bất cập trên đòi hỏi các cơ sở ĐT GV THPT cần đổi mới trong công tác QL CTĐT để đảm bảo chất lượng (ĐBCL) CTĐT và chuẩn đầu ra, đáp ứng được nhu cầu xã hội. Vận dụng cách tiếp cận ĐBCL trong QL CTĐT GV THPT là một hướng đi mới trong GD trong những năm gần đây, khẳng định “mục tiêu của CTĐT được xác định

rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của cơ sở GD đại học (ĐH), phù hợp với mục tiêu của GD ĐH quy định tại Luật GD ĐH” đồng thời cũng khẳng định chuẩn đầu ra của CTĐT “được định kì rà soát, điều chỉnh và công khai với các bên liên quan” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2015), (Asean University Network, 2015).

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm

2.1.1. Chương trình đào tạo

Trong lịch sử GD, thuật ngữ CTĐT xuất hiện từ năm 1820. Tuy nhiên, phải đến giữa thế kỉ XX, thuật ngữ này mới được sử dụng một cách chuyên nghiệp ở Hoa Kỳ và một số nước có nền GD phát triển. Frank Bobbitt, (2007) cho rằng: “CTĐT có thể được định nghĩa là hệ thống các hoạt động nhằm phát hiện khả năng hoặc hoàn thiện người học”, dưới tác động mạnh mẽ của xã hội tới GD, người học tiếp nhận nhiều kinh nghiệm xã hội phong phú không chỉ từ trường học. Theo đó, CTĐT được mở rộng hơn là bản kế hoạch học tập hoặc cung cấp cơ hội học tập cho người học để đạt mục đích GD đã đề ra.

Những năm 90 đến những năm đầu của thế kỉ XXI, khái niệm về CTĐT có sự thay đổi. Doll (William Doll Jr., 1993) cho rằng: “Một hệ thống GD theo trình tự tuyến tính và

định lượng như hiện nay sẽ nhường chỗ cho một hệ thống GD đa dạng và phức tạp hơn, ít có tính ổn định hơn”. Tác giả Wentling (1993) định nghĩa: “CTĐT là một bản thiết kế tổng thể cho một hoạt động ĐT cho biết toàn bộ nội dung cần ĐT, chỉ rõ những gì có thể trông đợi ở người học sau khoá ĐT, phác thảo ra quy trình cần thiết để thực hiện nội dung ĐT, các phương pháp ĐT và cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và tất cả được sắp xếp theo một thời gian biểu chặt chẽ”. Hiện nay, quan niệm về CTĐT ngày càng rộng và hoàn chỉnh hơn, không chỉ là việc trình bày mục tiêu cuối cùng và bảng danh mục các nội dung GD. Gatawa (Gatawa B S M., 1990) đã mô tả bốn nhóm thành tố cơ bản và mối quan hệ giữa chúng trong bối cảnh quốc gia. Như vậy, cấu trúc của CTĐT bao gồm hai nhóm thành phần chính: kết quả kì vọng mà người học sẽ đạt được sau một thời gian học tập và cách thức, phương tiện, phương pháp, điều kiện để đạt được những kì vọng.

Từ những lập luận trên đây, có thể xem CTĐT là kế hoạch tổng thể, hệ thống về toàn bộ hoạt động ĐT, bao gồm: mục đích ĐT, mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung ĐT (với độ rộng và sâu), phương thức ĐT và hình thức tổ chức ĐT (với các phương pháp, phương tiện, công cụ dạy học), phương thức đánh giá kết quả ĐT (trong so sánh, đối chiếu với chuẩn đầu ra).

2.1.2. Giáo viên trung học phổ thông

GV là “Những người làm nghề dạy học - GD, được tổ chức thành một lực lượng (có tổ chức) cùng chung một nhiệm vụ là thực hiện các mục tiêu GD đã đề ra cho tập hợp đó, tổ chức đó. Họ làm việc có kế hoạch và gắn bó với nhau thông qua lợi ích về vật chất và tinh thần trong khuôn khổ quy định của pháp luật, thể chế xã hội. Họ chính là nguồn lực quan trọng trong lĩnh vực GD mầm non, phổ thông và GD nghề nghiệp” (Luật GD 2010). Như vậy, theo cách tiếp cận trên, tác giả nhận định rằng, GV THPT là những người làm công tác giảng dạy - GD trong trường THPT, thực hiện chung một nhiệm vụ GD, rèn luyện học sinh THPT, giúp người học hình thành và phát triển nhân cách theo mục tiêu GD đã xác định phù hợp với từng cấp học.

2.1.3. Đảm bảo chất lượng

ĐBCL là quá trình xảy ra trước và trong khi thực hiện, mối quan tâm của hoạt động này là phòng chống những sai phạm có thể xảy ra ngay từ bước đầu tiên, nói cách khác là nhằm tạo ra những sản phẩm không lỗi - nguyên tắc không lỗi - làm đúng ngay từ đầu và làm đúng ở mọi thời điểm (Philip B. Crosby, 1979). ĐBCL là “Tập hợp các hệ thống, chính sách, thủ tục, quy trình, hành động và thái độ được xác định từ trước nhằm đạt được, duy trì và củng cố chất lượng” (David Woodhouse, 1998), là “Những quan điểm, chủ trương, chính sách, mục tiêu, hành động, công cụ, quy trình và thủ tục, mà thông qua sự hiện diện và sử dụng chúng có thể đảm bảo rằng sứ mạng và mục tiêu GD đang được thực hiện, các chuẩn mực đang được duy trì và nâng cao” (SEAMEO, 2002), “Là quá trình đánh giá liên

tục (đánh giá, đảm bảo, duy trì, cải tiến) chất lượng của hệ thống GD ĐH, của cơ sở giáo dục hoặc của CTĐT” (Unesco, 2007), “Là các thái độ, đối tượng, hoạt động và thủ tục cùng các hoạt động kiểm soát chất lượng (Unesco, 2007), “Là một quá trình tự điều chỉnh, phản ánh và cải tiến liên tục (Reisberg L., 2010), “Là các chính sách, quá trình, hoạt động được thực hiện bởi bộ phận ĐBCL bên trong và tổ chức KĐCL bên ngoài nhà trường” (Commonwealth of Learning, 2009). Như vậy, ĐBCL là một khái niệm đa chiều bao quát các chức năng và hoạt động của việc đánh giá chất lượng GD ĐH, là hệ thống các quan điểm và nhu cầu của các bên liên quan.

2.1.4. Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á

Hội nghị thượng đỉnh các trường ĐH Đông Nam Á lần thứ tư năm 1992 đã kêu gọi các nước thành viên trong khu vực Đông Nam Á trợ giúp việc “thúc đẩy sự đoàn kết và phát triển khu vực thông qua tăng cường phát triển nguồn nhân lực cũng như thắt chặt thêm mạng lưới các trường ĐH và các viện GD hàng đầu khu vực”. Qua ý tưởng này, mạng lưới các trường ĐH Đông Nam Á (AUN) được thành lập vào tháng 11 năm 1995 với việc ban hành hiến chương về GD ĐH cho 6 nước thành viên cùng với sự tham gia của 11 trường ĐH Đông Nam Á. Thỏa thuận về việc thành lập mạng lưới các trường ĐH Đông Nam Á sau đó đã được kí kết bởi chủ tịch hoặc hiệu trưởng của các trường ĐH thành viên. Việc kí kết đã ủy thác thành lập Ban quản trị và Ban thư kí điều hành bởi Giám đốc điều hành. Mối quan tâm chiến lược của AUN được xác định bởi các thành viên khu vực Đông Nam Á nhằm xúc tiến hợp tác trong khu vực với việc đẩy mạnh: 1/ Tăng cường hợp tác giữa các trường ĐH trong khối ASEAN và với bên ngoài khối; 2/ Khuyến khích các hợp tác về nghiên cứu và ĐT trong các lĩnh vực ưu tiên được xác định bởi ASEAN; 3/ Khuyến khích hợp tác giữa các nhà giáo và nhà nghiên cứu thuộc ASEAN; 4/ Xây dựng hệ thống các chính sách chung về GD ĐH cho khối ASEAN.

Số lượng thành viên gia nhập AUN hiện nay bao gồm 30 thành viên đến từ 10 quốc gia. Trong đó, ĐH Quốc gia Hà Nội là đơn vị tiên phong tham gia vào mạng lưới AUN và chính thức trở thành thành viên Hội đồng quản trị AUN từ năm 1995; ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí tham gia vào năm 1999 và ĐH Cần Thơ tham gia vào năm 2013.

2.1.5. Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á

AUN nhận thấy tầm quan trọng của chất lượng GD ĐH và nhu cầu phát triển hệ thống ĐBCL để nâng cao chất lượng ĐT, cải tiến nền GD, tăng cường hoạt động nghiên cứu, phục vụ cộng đồng trong các trường ĐH thành viên của AUN. Một trong những hoạt động chính của AUN là xây dựng hệ thống ĐBCL gồm các tiêu chuẩn và tiêu chí có đối sánh với nhau giữa các trường ĐH để sử dụng trong việc đánh giá chất lượng. Các mô hình AUN - QA bao gồm: chiến lược, hệ thống và chiến thuật ĐBCL bên trong (IQA),

ĐBCL bên ngoài (EQA) bao gồm kiểm định chất lượng. Năm 1998, AUN đã tranh luận các sáng kiến và đưa đến sự phát triển mô hình ĐBCL AUN. Trong suốt thập niên cuối của thế kỉ XX, mô hình ĐBCL của AUN đã được xúc tiến, phát triển và triển khai thực hiện các hoạt động ĐBCL dựa trên sự trải nghiệm, các hoạt động ĐBCL được chia sẻ, kiểm tra, đánh giá và cải thiện.

Mô hình ĐBCL của AUN - QA cho cấp CTĐT tập trung vào GD và học tập với những yếu tố sau: (1) Chất lượng đầu vào; (2) Chất lượng quá trình; (3) Chất lượng đầu ra.

2.2. Quản lí chương trình đào tạo giáo viên theo tiếp cận đảm bảo chất lượng của các trường đại học Đông Nam Á (AUN) - Bộ tiêu chuẩn AUN-QA

Nhằm QL CTĐT GV hiệu quả, các cơ sở GD bắt buộc phải tìm cho mình những thước đo mới tầm cỡ quốc tế, phải làm sáng tỏ các vấn đề cơ bản như sự thay đổi ở vai trò của GV. Xu thế đổi mới của quá trình dạy học và GD dẫn đến QL quá trình ĐT là QL sự thay đổi, QL quá trình ĐT GV chính là QL chất lượng ĐT và áp dụng QL không biên giới trong ĐT GV. Vận dụng tiếp cận AUN-QA trong QL chất lượng CTĐT nhằm giúp hướng đến sự công nhận quốc tế và nâng cao chất lượng ĐT, phù hợp với trình độ và cơ sở hạ tầng khu vực Đông Nam Á, giúp cơ sở ĐT giải quyết các câu hỏi như người học cần đạt được các kiến thức, kĩ năng, thái độ nào trước khi tốt nghiệp và làm thế nào để cơ sở ĐT hoạt động tốt hơn giúp người học đạt được chuẩn đầu ra. QL CTĐT GV THPT theo tiếp cận đảm bảo chất lượng của các trường ĐH Đông Nam Á là QL CTĐT GV THPT tiếp cận ĐBCL các thành tố của CTĐT dựa trên tiêu chuẩn đánh giá của AUN, bao gồm các hoạt động lập kế hoạch, triển khai, đánh giá và cải tiến các thành tố đầu vào, đầu ra và quá trình xây dựng, thực hiện và cải tiến CTĐT nhằm trang

bị cho SV các kiến thức, kĩ năng và thái độ phù hợp để trở thành GV THPT hoặc bồi dưỡng năng lực chuyên môn.

2.3. Vận dụng bộ tiêu chuẩn AUN-QA đánh giá thực trạng quản lí chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông theo tiếp cận đảm bảo chất lượng

2.3.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu tiến hành khảo sát thực trạng CTĐT GV THPT môn Toán theo tiếp cận đảm bảo chất lượng tại 5 trường gồm: ĐH Vinh, ĐH Sài Gòn, ĐHSPT Đà Nẵng, ĐHSPT Hà Nội, ĐHSPT Thái Nguyên bằng phiếu hỏi cho 03 nhóm đối tượng gồm 136 GV, CBQL trực tiếp tham gia CTĐT nhằm trung cầu ý kiến bản thân đối với hoạt động QL CTĐT đang tham gia giảng dạy; 81 nhà tuyển dụng đánh giá về mức độ đáp ứng của CTĐT cũng như đánh giá năng lực giảng dạy của cựu SV; 755 SV và cựu SV của 5 trường đã và đang theo học chương trình về nhận thức của họ đối với hoạt động QL CTĐT mà bản thân họ đã và đang tham dự và mức độ đáp ứng công việc dạy học hiện tại của bản thân (xem Bảng 1).

Bộ công cụ được sử dụng trong nghiên cứu gồm: (1) Phiếu hỏi dành cho GV, CBQL gồm 65 tiêu chí; (2) Phiếu hỏi dành cho SV, cựu SV gồm 56 tiêu chí và Phiếu hỏi dành cho nhà tuyển dụng gồm 41 tiêu chí (xem Bảng 2).

2.3.2. Phân tích, đánh giá kết quả

a. Về việc triển khai chương trình đào tạo GV

Kết quả phân tích cho thấy, các nội dung đánh giá về việc triển khai CTĐT GV đều có điểm trung bình > 3. Mức độ 1 và mức độ 2 của cả 09 nội dung chiếm tỉ lệ phần trăm đáng kể, trung bình có gần hoặc lớn hơn 20% (ở cả 9 nội dung) số lượng người tham gia khảo sát đánh giá thấp các tiêu chí về triển khai CTĐT. Trong khi đó, mức độ 4 và mức

Bảng 1: Mô tả các nhóm đối tượng tham gia khảo sát

Nhóm 1: cán bộ QL và GV											
Giới tính		Đối tượng		Trường				Trình độ			
Nam	Nữ	GV	CBQL	ĐH Vinh	ĐH SG	ĐHSP ĐN	ĐHSP HN	ĐHSP TN	TS	Th.S	ĐH
87	49	82	54	13	13	24	70	16	92	37	07

Nhóm 2: Nhóm nhà sử dụng lao động									
Chức vụ				Trường					
GD	HT	P.HT	Q.HT	ĐH Vinh	ĐH SG	ĐHSP ĐN	ĐHSP HN	ĐHSP TN	
1	52	27	1	38	8	9	13	13	

Nhóm 3: Nhóm SV và cựu SV											
Giới tính		Trường				SV					
Nam	Nữ	ĐH Vinh	ĐH SG	ĐHSP ĐN	ĐHSP HN	ĐHSP TN	Năm I	Năm II	Năm III	Năm IV	Cựu SV
246	509	293	102	132	132	96	147	192	171	172	73

Bảng 2: Mô tả công cụ khảo sát

STT	Phiếu khảo sát	Số lượng tiêu chí	Nội dung tiêu chí
1	Dành cho GV, CBQL	65	QL đầu vào QL quá trình ĐT QL đầu ra
2	Dành cho SV, cựu SV	56	30 tiêu chí đánh giá thực trạng QL CTĐT GV THPT 17 tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng công việc dạy học hiện tại của bản thân 9 tiêu chí về việc triển khai CTĐT GV THPT
3	Dành cho nhà tuyển dụng	41	9 tiêu chí về việc triển khai CTĐT GV THPT 17 tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng công việc dạy học hiện tại 15 tiêu chí về các giải pháp nâng cao chất lượng CTĐT

độ 5 (đáp ứng/đáp ứng tốt) của đa số các tiêu chí có tỉ lệ phần trăm không cao, trung bình khoảng 50%. Mức 3 (cần điều chỉnh để đáp ứng) cũng chiếm tỉ lệ đáng kể, trung bình khoảng 30%.

- *Chuẩn đầu ra của CTĐT đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động:* là nội dung có ĐTB thấp nhất trong 09 nội dung (3.22/5), trong đó đánh giá thấp nhất là ý kiến của nhóm SV và cựu SV (2.85/5) và nhóm có ý kiến đánh giá cao nhất là GV và CBQL (3.75/5);

- *CTĐT được thiết kế đảm bảo mục tiêu kiến thức, kỹ năng chuyên ngành và các kỹ năng mềm cần thiết cho giáo sinh:* Nội dung có ĐTB thấp ở vị trí thứ 8 trong 09 nội dung (3.74/5), trong đó đánh giá thấp nhất là SV & Cựu SV (3.64/5) và nhóm đánh giá cao nhất là GV và CBQL (3.94/5);

- *Thông tin về CTĐT được cập nhật thường xuyên tới các bên liên quan:* ĐTB thấp đứng vị trí thứ 7 (3.77/5), trong đó đánh giá thấp nhất là SV và cựu SV (3.58/5) và nhóm đánh giá cao nhất là GV và CBQL (3.94/5);

- *Cấu trúc và nội dung của CTĐT được quan tâm để đánh giá sự phù hợp với tiêu chí tuyển dụng của nhà trường:* Nội dung được các đối tượng tham gia khảo sát đánh giá cao nhất trong đó đánh giá thấp nhất là SV và cựu SV (3.78/5) và nhóm đánh giá cao nhất là nhà tuyển dụng (4.03/5);

- *Các thông tin liên quan đến CTĐT được công bố công khai và dễ dàng tiếp cận:* Nội dung được đánh giá cao đứng vị trí thứ 2 trong đó mức độ đánh giá của các nhóm đều ở mức cao (71.6% ý kiến nhà tuyển dụng, 30% ý kiến nhóm GV và CBQL và 70.6% ý kiến nhóm SV và cựu SV đánh giá mức 4 và 5);

- *Thông tin về CTĐT cung cấp đầy đủ đến các đối tượng liên quan* được các nhóm đánh giá khá cao (ĐTB =3.89), trong đó nhóm GV và CBQL đánh giá cao nhất (3.98/5) và nhóm đánh giá thấp nhất là nhà tuyển dụng (3.75/5);

- *CTĐT được thiết kế đảm bảo kiến thức đại cương và chuyên ngành cho giáo sinh, phù hợp với yêu cầu của nhà trường:* ĐTB của của nội dung này khá cao (ĐTB = 3.84), trong đó đánh giá thấp nhất là SV và cựu SV (3.67/5) và nhóm đánh giá cao nhất là nhóm GV và CBQL (3.97/5);

- *Các bên liên quan được góp ý, đưa ra nhu cầu và thông tin phản hồi để phục vụ cho hoạt động thiết kế và phát triển CTĐT:* có ĐTB =3.82. Nhìn vào kết quả đánh giá 5 mức độ

ta thấy, có 65% ý kiến nhóm nhà tuyển dụng, 58% ý kiến nhóm GV và CBQL và 41% ý kiến nhóm SV và cựu SV đánh giá cao (mức 4 -5);

- *Các bên liên quan được góp ý, đưa ra thông tin phản hồi đối với quá trình dạy học, các hoạt động kiểm tra đánh giá của giáo sinh để đảm bảo sự phù hợp và tương thích:* Nội dung này được cả 3 nhóm tham gia khảo sát đánh giá tương đối cao (ĐTB=3.8), trong đó đánh giá cao nhất là nhóm nhà tuyển dụng (4.08/5) và nhóm đánh giá thấp nhất là nhóm GV và CBQL (3.54/5).

b. Về năng lực của GV THPT

Kết quả khảo sát cho thấy, CBQL trường THPT đánh giá khá cao về năng lực của GV THPT, của SV và cựu SV cũng như sự tự tin vào năng lực của bản thân. ĐTB của 17 nội dung là ĐTB = 3.7, trong đó, có 11/17 nội dung có ĐTB>3.7 và 06/17 nội dung có ĐTB<3.7.

Theo ý kiến đánh giá của nhóm SV và cựu SV, đa số đều cho rằng bản thân có các năng lực cần thiết phục vụ cho giảng dạy và nghiên cứu (ĐTB>3). Tuy nhiên, cũng có nhiều ý kiến cho rằng bản thân còn yếu ở một số năng lực như tin học, ngoại ngữ,... Ý kiến đánh giá mức độ thấp ở những năng lực này chiếm tỉ lệ phần trăm khá cao (mức 1-2 >10%).

Theo ý kiến đánh giá của nhóm các nhà tuyển dụng cho rằng, đa số năng lực của GV điều đáp ứng yêu cầu (ĐTB>3), nhưng có một vài năng lực được đánh giá ở mức độ thấp như năng lực về ngoại ngữ, sự năng động, nhạy bén khi môi trường làm việc thay đổi

Nhìn chung ta thấy, có 8.1% ý kiến chọn lựa ở mức độ 1 và mức độ 2, nghĩa là chỉ có 8.1% ý kiến đánh giá năng lực GV THPT không đáp ứng yêu cầu. Tuy nhiên, mức độ 4 và mức 5 chiếm tỉ lệ khá cao, chiếm 60.4%. Điều này khẳng định đa số năng lực GV THPT đáp ứng so với yêu cầu thực tế, còn khoảng 30% cho rằng cần có những điều chỉnh cần thiết để kết quả đầu ra đạt chất lượng.

Bên cạnh việc thực hiện khảo sát bằng phiếu hỏi để đánh giá năng lực của SV sau tốt nghiệp, nghiên cứu còn tiến hành phỏng vấn sâu một số cán bộ QL. Khi được hỏi, ông L.K.S cho rằng: “*Nhìn chung, năng lực của SV tốt nghiệp đáp ứng mức độ cơ bản yêu cầu của nhà trường, tuy nhiên khả năng thích ứng công việc, kỹ năng tin học, ngoại ngữ còn có nhiều hạn chế. Nhà trường đã rất chú trọng việc*

nâng cao năng lực GV THPT, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ QL như: Hàng năm cử GV tiềm năng đi ĐT thực sĩ, tiến sĩ; Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng kỹ năng nghề; Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng đội ngũ cho GV và CBQL (nhưng chưa QL một cách bài bản nên còn hạn chế trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ) về lý luận chính trị, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực chuyển đổi nghề nghiệp của giảng viên và một số kỹ năng cần thiết khác”.

c. Về việc quản lý chương trình đào tạo GV

QL đầu vào: Qua kết quả đánh giá của 3 nhóm đối tượng về thực trạng QL đầu vào của GV THPT theo tiếp cận AUN-QA, ta thấy: Ở nhân tố QL mục tiêu ĐT GV THPT theo tiếp cận AUN-QA, có 04/06 nội dung có ĐTB > 4.0; Nhân tố QL và phát triển chuyên môn của cán bộ giảng dạy và hỗ trợ CTĐT GV THPT theo tiếp cận AUN-QA. Dưới góc độ đánh giá của nhóm đối tượng GV và CBQL, có 10/19 nhân tố có ĐTB > 3.5. Dưới góc độ đánh giá của nhóm đối tượng SV và cựu SV, có 2/7 tiêu chí có ĐTB > 3.6.

QL quá trình ĐT: Phần lớn các ý kiến của GV và CBQL, SV và cựu SV đều đánh giá ở mức độ cao. Khả năng đáp ứng CTĐT GV THPT theo tiếp cận AUN-QA ở mức độ tốt (73.7%). Tiêu chí được đánh giá là chưa đạt trong nội dung này là *Nội dung chương trình luôn được cập nhật, đổi mới phù hợp với yêu cầu thực tế của GD quốc gia và địa phương.*

QL đầu ra: QL về việc làm của SVTN cũng là một trong những nội dung quan trọng công tác nâng cao chất lượng ĐT. Kết quả khảo sát cho thấy, có 6.1% ý kiến cho rằng nội dung chưa đạt yêu cầu, 65.1% ý kiến cho rằng việc QL/ theo dõi việc làm của SVTN hiện nay đáp ứng yêu cầu thực tế và 33% ý kiến cho rằng cần cải thiện nội dung trên để làm cơ sở đánh giá cũng như điều chỉnh CTĐT. Việc QL về sự tiến bộ của người học ở các trường hiện nay thực hiện khá tốt, mức độ đồng ý đến rất đồng ý các tiêu chí chiếm tỉ lệ rất cao (77.3%). Mức độ hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý (mức 1 và mức 2) của tất cả các tiêu chí chiếm tỉ lệ không đáng kể (<10%).

2.4. Đề xuất một số giải pháp quản lý chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông theo tiếp cận đảm bảo chất lượng của các trường đại học Đông Nam Á

Trên cơ sở phân tích thực trạng công tác QL CTĐT GV THPT theo tiếp cận AUN-QA các trường ĐH/khoa sư phạm và vận dụng lý luận liên quan đến những vấn đề nghiên cứu, tác giả đề xuất các giải pháp sau đây:

- Tổ chức nâng cao nhận thức cho CBQL và GV về tầm quan trọng của công tác QL CTĐT GV THPT theo tiếp cận AUN-QA;
- Tổ chức nâng cao năng lực của cán bộ QL CTĐT GV THPT ở các trường ĐH/ khoa sư phạm;
- Xây dựng hệ thống và công cụ kiểm soát, đánh giá chất lượng CTĐT GV THPT và phản hồi thông tin;
- Tăng cường tổ chức QL và phát triển chuyên môn của cán bộ giảng dạy và hỗ trợ chương trình;
- Đề xuất xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá công tác QL

CTĐT GV THPT theo tiếp cận AUN-QA;

- Tăng cường QL nguồn lực cơ sở vật chất phục vụ cho việc học.

Bất kỳ sự thành bại của một hoạt động nào cũng bắt nguồn từ nhận thức. Vì vậy, trước khi tiến hành giải pháp tiếp theo cần tác động vào nhận thức để xây dựng các giá trị đích thực về chất lượng cho các thành phần, đối tượng có liên quan. Từ đó, đề xuất giải pháp đầu tiên cho nghiên cứu này là *Tổ chức nâng cao nhận thức cho CBQL và GV về tầm quan trọng của công tác QL CTĐT GV THPT theo tiếp cận AUN-QA.* Từ việc nâng cao nhận thức, giải pháp 2 là *tổ chức nâng cao năng lực của cán bộ QL CTĐT GV THPT,* một khi nhận thức con người được nâng cao thì kết quả việc học tập, nghiên cứu, tham gia các hoạt động sẽ đạt hiệu quả tốt nhất. Tiếp theo, việc nâng cao năng lực QL CTĐT GV THPT là *Xây dựng hệ thống và công cụ kiểm soát, đánh giá chất lượng ĐT GV THPT và phản hồi thông tin* là nhân tố quan trọng quyết định chất lượng GD. Điều này sẽ giúp cho các giảng viên, những nhà QL có thêm những biện pháp, những “thước đo” để đánh giá chính xác và khách quan hơn chất lượng ĐT GV THPT. Việc *Tăng cường tổ chức QL và phát triển chuyên môn của cán bộ giảng dạy và hỗ trợ chương trình, cán bộ giảng dạy* đóng vai trò quyết định trong việc thực hiện thành công trong việc phát triển CTĐT, họ là những người trực tiếp giảng dạy, GD, hướng dẫn và truyền thụ kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm cho học sinh. Bởi vậy, xây dựng được đội ngũ GV có đủ phẩm chất và năng lực sẽ là yếu tố then chốt để thực hiện cải cách, đổi mới GD. Một giải pháp không thể thiếu đó là *Tăng cường QL nguồn lực cơ sở vật chất phục vụ cho việc học,* giải pháp này sẽ tạo nên tính đồng bộ và nhất quán và toàn diện cho các giải pháp QL ĐT GV THPT theo tiếp cận AUN-QA các trường/khoa ĐHS. Giải pháp cuối cùng là *Xây dựng bộ tiêu chuẩn* để đánh giá công tác QL CTĐT GV THPT theo tiếp cận AUN-QA hiện nay ở mức độ nào để tiếp tục đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng QL ĐT.

3. Kết luận

QL CTĐT GV THPT theo tiếp cận của mạng lưới các trường ĐH Đông Nam Á (hay tiếp cận ĐBCL CTĐT) là xu hướng phù hợp với các trường ĐH/khoa sư phạm hiện nay, bao gồm hệ thống các biện pháp QL tác động vào tất cả các hoạt động ĐT, nhằm tạo ra người học đạt chuẩn đầu ra của CTĐT. Khảo sát thực trạng việc QL CTĐT GV THPT với 06 nội dung, trong đó có 02 nội dung đầu vào, 03 nội dung quá trình và 01 nội dung kết quả đầu ra. Kết quả khảo sát cho thấy, công tác QL CTĐT GV THPT theo tiếp cận AUN-QA các trường/khoa ĐHS được các đối tượng tham gia đánh giá ở mức độ khá tốt. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định, trên cơ sở đó nghiên cứu đã đề xuất các giải pháp để nâng cao năng lực QL ĐT GV THPT theo tiếp cận AUN - QA ở các trường ĐHS.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2015), *Những vấn đề chung về phát triển chương trình đào tạo giáo viên*, Tài liệu tập huấn cán bộ, giảng viên các cơ sở đào tạo giáo viên phổ thông về phát triển chương trình đào tạo, Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục.
- [2] Luật Giáo dục, (2010).
- [3] Asean University Network, (2015), *Guide to AUN-QA Assessment at Programme Level*.
- [4] Frank Bobbitt, (2007), *How to Make a Curriculum*: Houghton Mifflin Company.
- [5] William Doll Jr.,(1993), *Curriculum Studies in the United States: Present Circumstances, Intellectual Histories*: Palgrave Macmillan.
- [6] Wentling T., (1993), *Planning for effective training: A guide to curriculum development*: Food and Agricultural Organization of the United Nation.
- [7] Gatawa B S M., (1990), *The Politics of the School Curriculum: An Introduction*: Harare: College Press.
- [8] Philip B. Crosby., (1979), *Quality Philosophies Series*. Hong Kong Society for Quality.
- [9] Woodhouse, D., (1998), *Quality Assurance in Higher Education: the next 25 years*. Quality in Higher Education, 4(3), 257 - 273.
- [10] Unesco., (2007), *Quality Assurance and Accreditation: A Glossary of basic Terms and Definitions*. Unesco.
- [11] Reisberg L.,(2010), *Quality Assurance in Higher Education: Defining, Measuring, Improving It*. Boston College.
- [12] Commonwealth of Learning, (2009), *Quality assurance toolkit: Distance higher education institutions and programmes*. [Retrieved from <http://www.col.org/>].
- [13] European Association for Quality Assurance in Higher Education, (2009), *Standards and Guidelines for Quality Assurance in the European Higher Education Area*.
- [14] Opre, A., & Opre, D., (2006), *Quality assurance in higher education: Professional development*. Cognition, Brain, and Behavior(3), 421 - 438.

FACTS AND SOLUTIONS FOR TEACHER TRAINING PROGRAMME IN TERMS OF QUALITY ASSURANCE OF UNIVERSITIES IN SOUTH EAST ASIA

Phan Hung Thu¹, Pham Thi Anh Phuong²,
Vu Duc Tan³

¹ Vinh University
182 Le Duan Str., Vinh City, Nghe An Province, Vietnam
Email: thuph@vinhuni.edu.vn

² University of Foreign Language Studies,
Danang University
131 Luong Nhu Hoc, Danang, Vietnam
Email: phuonktdhnn@gmail.com

³ Vietnam Academy of Cryptography Techniques
141 Chien Thang Str., Tan Trieu Ward,
Thanh Tri District, Hanoi, Vietnam.
Email: Tankhaothihvktmm@gmail.com

ABSTRACT: *With the aim that ‘Teachers must be trained to become educators, not just knowledge transmitter’, administrating teacher training programme for high school teachers in terms of AUN-QA needs to be improved fundamentally and thoroughly according to models of other developed countries but main features of Vietnam society and its university education base must be maintained. This study is aimed at evaluating the context of administrating teacher training programme for high school teachers in terms of AUN-QA at 5 universities. This activity has gained a few good results including building up outcomes suitable with the mission and vision of the university, checking up and evaluating the process of developing educational purposes, strictly carrying out the roles of teachers and students, evaluating the monitoring system of students, carrying out students’ curriculum effectively, etc. The results show that there are still some limitations regarding to some contents in administrating and developing special knowledge of teachers and staff, some contents in accessing study performances.*

KEYWORDS: Administrating; training programme; teachers; access; quality assurance.